

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07/9/2022
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiểu.
2. Bà Phan Thị Hạnh Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa:

Bà Phí Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2022/TLSTST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn LT, xã NH, huyện T1, tỉnh T2 (chị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Vũ Xuân Th, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn LT, xã NH, huyện T1, tỉnh T2 (anh Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình hòa giải, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Chị Lê Thị H và anh Vũ Xuân Th, sinh năm 1999, có địa chỉ: Thôn LT, xã NH, huyện T1, tỉnh T2 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 30/10/2020 được Ủy ban nhân dân xã NH, huyện T1, tỉnh T2 chứng nhận kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã, vợ chồng không hiểu thông cảm cho nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Vũ Xuân Th.

Về con chung, chị H và anh Th có 01 con chung là Vũ Lê A D, sinh ngày 21/10/2018, hiện nay con A D đang ở với anh Th. Ly hôn, vì cháu Anh Đức đang ở nhà nội cùng anh Th nên chị đồng ý để anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; chị H sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th theo khả năng của mình.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi cho anh Vũ Xuân Th thông báo thụ lý, thông báo đến phiên công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh Th không đến Tòa án.

Tại Biên bản xác minh ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại gia đình ông Vũ Xuân Th1, sinh năm 1964, trú tại thôn LT, xã NH, huyện T1, tỉnh T2 (ông Th1 là bố đẻ anh Vũ Xuân Th) trình bày:

Ông là bố đẻ anh Vũ Xuân Th. Theo ông Th1, anh Th và chị Lê Thị H tự nguyện tìm hiểu và Th ký kết hôn năm 2020 tại UBND xã NH, huyện T1, tỉnh T2. Sau khi kết hôn, anh Th và chị H ở cùng gia đình tại NH, T1. Mâu thuẫn của anh Th, chị H do tính tình không hợp. Nay chị H có đơn xin ly hôn, quan điểm của gia đình như sau:

Về hôn nhân, gia đình mong muốn anh Th và chị H đoàn tụ để nuôi dạy con cái nhưng nếu chị H nhất quyết ly hôn thì gia đình đồng ý.

Về con chung, anh Th và chị H có 01 con chung là Vũ Lê A D, sinh ngày 21/10/2018, hiện nay cháu AD đang ở với anh Th và gia đình nội, nếu chị H ly hôn thì gia đình vẫn có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu A D.

Về tài sản chung và nợ chung, theo ông Th1, vợ chồng anh Th, chị H không có tài sản gì.

Hiện nay anh Vũ Xuân Th đang làm công việc tự do; anh Th vẫn thường xuyên về nhà và có biết việc chị H xin ly hôn. Anh Th có trao đổi với gia đình sẽ sắp xếp lên Tòa án để giải quyết. Ông Th1 nhận văn bản của Tòa án và cam kết giao lại cho anh Th.

Tại biên bản xác minh ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở UBND xã NH, huyện T1, ông Trần Văn B, Phó Chủ tịch UBND xã và ông Phạm Quang H1, Cán bộ Tư pháp UBND xã NH cung cấp:

Chị Lê Thị H và anh Vũ Xuân Th tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 30/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện T1, tỉnh T2. Về con chung, chị H và anh Th có 01 con chung là Vũ Lê A D, sinh ngày 21/10/2018. Về tài sản chung và nợ chung, đại diện chính quyền địa phương không nắm được cụ thể.

Tại phiên công khai chứng cứ, hòa giải lần 01 ngày 09/6/2022 và phiên hòa giải lần 02 ngày 04/8/2022, chị H có mặt, anh Th đều vắng mặt không có lý do. Ngày 24/8/2022, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, chị H có mặt, anh Th không đến phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 07/9/2022.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị H có đơn xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Th.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Vũ Xuân Th. Về con chung, giao cho anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Lê A D, sinh ngày 21/10/2018; chị H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Thị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Vũ Xuân Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Lê Thị H và anh Vũ Xuân Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có Th ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án nên xác định: Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã, vợ chồng không hiểu thông cảm cho nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

[2.2] Chị H có đơn xin ly hôn, Tòa án đã ra thông báo thụ lý, thông báo đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, anh Th có biết nhưng không đến Tòa án. Tòa án đã tổ chức hòa giải hai lần, anh Th đều vắng mặt, qua gia đình anh có ý kiến là sẽ đến Tòa án để giải quyết. Tại các phiên tòa, anh Th đều vắng mặt, anh cũng không đưa ra được biện pháp để vợ chồng trở về đoàn tụ; chị H kiên quyết xin ly hôn, gia đình anh Th xác định nếu chị H kiên quyết ly hôn thì gia đình cũng đồng ý. Như vậy, có thể thấy tình cảm vợ chồng của chị H và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Vũ Xuân Th.

[3] Về con chung: Anh Th, chị H có 01 con chung là Vũ Lê A D, sinh ngày 21/10/2018. Hiện nay, con chung đang ở với anh Th và gia đình nhà nội. Chị H đồng ý để anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, để tránh sự thay đổi việc ăn, ở, học hành và sự phát triển toàn diện của con chung, cần giao cho anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Lê A D. Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Vũ Xuân Th.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Xuân Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Lê A D, sinh ngày 21/10/2018. Chị Lê Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn là chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai số 0002328 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T2, chị Lê Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã NH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền